

Số: /TB-ĐHĐT-HĐTS

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Điểm trúng tuyển các ngành trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2025

- Phương thức 100 - Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
- Phương thức 200 - Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)
- Phương thức 301 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT
- Phương thức 416 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025
- Phương thức 402 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022.

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 2457/BGDĐT-GDĐH ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 2389/QĐ-ĐHĐT ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Đồng Tháp ban hành kèm theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHĐT ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 3624/TB-ĐHĐT ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2025 (hình thức đào tạo chính quy);

Căn cứ Kế hoạch số 2901/KH-ĐHĐT ngày 22 tháng 05 năm 2025 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2025;

Căn cứ hồ sơ đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến ngày 28 tháng 07 năm 2025;

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Đồng Tháp thống nhất điểm trúng tuyển theo các phương thức trên như sau:

1. Điểm trúng tuyển:

1.1. Đối với các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên

Stt	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp GỐC	Điểm trúng tuyển			
					PT100	PT200	PT416	PT402
1	51140201	Giáo dục Mầm non (CĐ)	30	M00	23.65	27.76	357.26	877.73
2	7140201	Giáo dục Mầm non	415	M00	23.71	27.78	357.92	879.8
3	7140202	Giáo dục Tiểu học	711	D01	23.91	27.86	360.14	886.63

Stt	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp GỐC	Điểm trúng tuyển			
					PT100	PT200	PT416	PT402
4	7140204	Giáo dục Công dân	33	C00	26.74	28.76	393.57	979.01
5	7140205	Giáo dục Chính trị	20	C00	26.8	28.78	394.61	983.08
6	7140206	Giáo dục Thể chất	108	T00	22.88	27.48	348.77	Không xét
7	7140209	Sư phạm Toán học	100	A00	27.99	29.23	415.21	1063.75
8	7140210	Sư phạm Tin học	190	A00	24.73	28.14	370.01	912.29
9	7140211	Sư phạm Vật lý	50	A00	28.2	29.31	418.84	1077.98
10	7140212	Sư phạm Hóa học	30	B00	28.4	29.39	422.3	1091.54
11	7140213	Sư phạm Sinh học	30	B00	27.5	29.05	406.72	1030.53
12	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C00	27.21	28.94	401.7	1010.87
13	7140218	Sư phạm Lịch sử	25	C00	28.1	29.28	417.11	1071.2
14	7140219	Sư phạm Địa lý	60	C00	27.58	29.08	408.11	1035.96
15	7140221	Sư phạm Âm nhạc	100	N00	25.9	28.5	382.95	Không xét
16	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	100	H00	23.24	27.61	352.74	Không xét
17	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	300	D01	24.26	27.98	364.36	897.58
18	7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	20	D01	23.38	27.66	354.28	868.42
19	7140246	Sư phạm Công nghệ	60	A00	24.95	28.22	372.66	919.17
20	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	200	A00	26.47	28.66	388.89	960.71
21	7140249	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	100	C00	27.1	28.9	399.8	1003.42

1.2. Đối với các ngành ngoài nhóm ngành đào tạo giáo viên

Stt	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp GỐC	Điểm trúng tuyển			
					PT100	PT200	PT416	PT402
1	7140103	Công nghệ Giáo dục	37	A00	21.06	26.81	328.81	787.34
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	264	D01	20.01	26.41	317.18	748.82
3	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	256	C00	23.93	27.86	360.38	887.25
4	7229042	Quản lý văn hóa	70	C00	23.82	27.82	359.13	883.59
5	7310110	Quản lý kinh tế	38	A00	16.35	24.62	271.82	606.5
6	7310403	Tâm lý học giáo dục	52	C00	24.73	28.14	370.01	912.29
7	7310501	Địa lý học	45	C00	25.81	28.48	382.06	942.93
8	7310630	Việt Nam học	116	C00	24.19	27.95	363.51	895.39
9	7320104	Truyền thông đa phương tiện	49	C00	24.7	28.13	369.65	911.35
10	7340101	Quản trị kinh doanh	179	A00	18.12	25.51	294.33	673.27
11	7340120	Kinh doanh quốc tế	49	A00	17.2	25.06	282.91	638.46
12	7340201	Tài chính - Ngân hàng	139	A00	19.35	26.1	309.17	721.61
13	7340301	Kế toán	208	A00	18.41	25.66	297.81	684.29
14	7340403	Quản lý công	76	A00	18.86	25.87	303.22	701.41
15	7380101	Luật	113	C00	23.94	27.87	360.5	887.56
16	7420201	Công nghệ sinh học	72	B00	18.11	25.51	294.21	672.89
17	7440301	Khoa học môi trường	46	B00	15.79	21.98	252.92	603.02

Stt	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp GỐC	Điểm trúng tuyển			
					PT100	PT200	PT416	PT402
18	7480101	Khoa học Máy tính	94	A00	16.89	24.9	278.86	626.81
19	7480201	Công nghệ thông tin	191	A00	18.54	25.72	299.38	689.22
20	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	55	A00	18.53	25.71	299.26	688.84
21	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	60	A00	19.69	26.26	313.3	735.63
22	7540101	Công nghệ thực phẩm	54	B00	19.72	26.28	313.66	736.86
23	7580201	Kỹ thuật xây dựng	84	A00	15.92	22.64	257.52	603.51
24	7620103	Khoa học đất	36	A00	15	18	225	600
25	7620109	Nông học	51	B00	17.9	25.41	291.69	664.91
26	7620301	Nuôi trồng thủy sản	93	B00	16.07	23.39	262.82	604.08
27	7640101	Thú y	46	B00	19.75	26.29	314.02	738.1
28	7760101	Công tác xã hội	57	C00	23.81	27.82	359.02	883.24
29	7810302	Huấn luyện thể thao	48	T00	21.72	27.06	336	Không xét
30	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	50	B00	16	23.04	260.34	603.82
31	7850103	Quản lý đất đai	80	A00	16.04	23.24	261.76	603.97

Ghi chú: PT100 viết tắt Phương thức 100 - Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025; PT200 viết tắt Phương thức 200 - Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ); PT416 viết tắt Phương thức 416 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025; PT402 viết tắt Phương thức 402 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

2. Chính sách ưu tiên (đối tượng và khu vực) trong tuyển sinh

2.1. Đối tượng hưởng ưu tiên:

- Thực hiện theo khoản 1, 2 Điều 7 của của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.
- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) 2024 và 2025.
- Thí sinh xem tại: <https://qao.dthu.edu.vn/post/id-1419>

2.2. Mức điểm cộng ưu tiên:

2.2.1. Đối với phương thức Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và phương thức Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2.0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

2.2.2. Đối với Phương thức Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho KV1 là 11,25 điểm, KV2-NT là 7,5 điểm, KV2 là 3,75 điểm; KV3 không được tính điểm ưu tiên.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 30 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 15 điểm.

2.2.3. Đối với Phương thức Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho KV1 là 30 điểm, KV2-NT là 20 điểm, KV2 là 10 điểm; KV3 không được tính điểm ưu tiên.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 80 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 40 điểm.

2.3. Cách tính điểm ưu tiên đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và phương thức xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Tổng điểm ưu tiên được xác định theo mục 2.2.1}$$

2.4. Cách tính điểm ưu tiên đối với phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 337,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 150 và tổng điểm 3 môn tối đa là 450) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(450 - \text{Tổng điểm đạt được})/112,5] \times \text{Tổng điểm ưu tiên được xác định theo mục 2.2.2}$$

2.5. Cách tính điểm ưu tiên đối với phương thức Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 900 trở lên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(1200 - \text{Tổng điểm đạt được})/300] \times \text{Tổng điểm ưu tiên được xác định theo mục 2.2.3}$$

3. Cách tính điểm xét tuyển

(1) Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025: là tổng điểm các môn thi (thang điểm 10) của tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển = [(Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm Môn 3)] (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (xem mục 2.2. và mục 2.3.).

(2) Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ): là tổng điểm trung bình môn lớp 12 (thang điểm 10) của tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký; cộng với Điểm cộng thành tích; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm cộng thành tích) (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (xem mục 2.2. và mục 2.3.).

(3) Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025: là tổng điểm các môn thi V-SAT (thang điểm 150) của tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký hoặc kết với điểm thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức có điểm từ 6,0 trở lên; cộng với Điểm cộng thành tích; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Đối với dùng điểm các môn thi V-SAT (thang điểm 150) của tổ hợp xét tuyển:

Điểm xét tuyển = (VS1 + VS2 + VS3 + (Điểm cộng thành tích x 15)) (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (xem mục 2.2. và mục 2.3.).

- Đối với dùng điểm các môn thi V-SAT (thang điểm 150) và kết hợp với điểm thi năng khiếu của tổ hợp xét tuyển:

+ Tổ hợp có 01 môn năng khiếu:

Điểm xét tuyển = $(VS1 + VS2 + (NK2 \times 15) + (\text{Điểm cộng thành tích} \times 15))$ (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (*xem mục 2.2. và mục 2.3.*).

+ Tổ hợp có 2 môn năng khiếu:

Điểm xét tuyển = $(VS1 + (NK1 \times 15) + (NK2 \times 15) + (\text{Điểm cộng thành tích} \times 15))$ (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (*xem mục 2.2. và mục 2.3.*).

(4) Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM:

Điểm xét tuyển = Điểm ĐGNL + điểm ưu tiên (*xem mục 2.2.*).

4. Nguyên tắc xét tuyển chung và cách tính điểm trúng tuyển

4.1. Nguyên tắc xét tuyển chung

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của phương thức xét tuyển tương ứng (*xem tại <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/thong-bao-nguong-bao-dam-chat-luong-dau-vao-dai-hoc-cao-dang-chinh-quy-theo-phuong-thuc-ket-qua-thi-tot-nghiep-thpt-nam-2025-va-dang-ky-xet-tuyen-cac.html>*).

Thí sinh được đăng ký không giới hạn số lượng nguyện vọng vào các ngành của Trường Đại học Đồng Tháp và phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Hệ thống sẽ xét tuyển lần lượt từ nguyện vọng 1 đến nguyện vọng cuối cùng, nếu thí sinh trúng tuyển ở nguyện vọng nào thì sẽ dừng lại ở nguyện vọng đó và không được xét tiếp các nguyện vọng sau.

- Đối với mỗi nguyện vọng, Trường sẽ xét tất cả các phương thức mà Trường sử dụng cho ngành đã đăng ký (với điều kiện thí sinh phải có điểm các Phương thức xét đó trên hệ thống Bộ GD&ĐT hoặc Hệ thống Trường ĐHQG đối với các hồ sơ đăng ký được Duyệt). Các phương thức được xét theo thứ tự ưu tiên do trường quy định, cụ thể theo thứ tự: kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025, kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ), tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025, kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM. Nếu thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo bất kỳ phương thức nào thì sẽ được xác nhận trúng tuyển vào ngành đó.

- Trong từng phương thức, phần mềm lần lượt xét qua các tổ hợp môn (nếu có) của thí sinh. Đối với phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT, điểm của các tổ hợp được quy đổi về tổ hợp gốc để đảm bảo công bằng và theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (*xem Phụ lục 1 và Phụ lục 2 tại <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/thong-bao-quy-tac-xet-tuyen-va-bang-quy-doi-diem-tuong-duong-giua-cac-phuong-thuc-trong-cong-tac-tuyen-sinh-nam-2025.html>*); trong khi đó, các phương thức còn lại như kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ), kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025, kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM, điểm xét tuyển/điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp môn (nếu có) trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành.

- Tất cả thí sinh đăng ký vào cùng một ngành đều được xét bình đẳng theo điểm xét tuyển, không phân biệt là nguyện vọng mấy. Người có điểm cao hơn sẽ được xét trúng tuyển trước. Điểm chuẩn trúng tuyển là điểm của thí sinh cuối cùng đủ điều kiện vào ngành đó, sau khi đã quy đổi tương đương giữa tổ hợp tối ưu của phương thức tương ứng.

- Thí sinh chỉ cần đăng ký ngành, không cần chọn tổ hợp hay phương thức khi khai báo nguyện vọng trên hệ thống Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, nếu sử dụng các phương thức có

yêu cầu riêng như học bạ, chứng chỉ, đánh giá năng lực... thì thí sinh cần chủ động rà soát kiểm tra điểm, nộp minh chứng đúng thời gian theo hướng dẫn của Trường nếu hệ thống Bộ GD&ĐT chưa có.

- Đối với những ngành có chuyên ngành, sau khi trúng tuyển và nhập học theo ngành, thí sinh được chọn chuyên ngành theo học.

4.2. Cách tính điểm trúng tuyển

Thí sinh trúng tuyển nếu có **Điểm xét tuyển** bằng hoặc lớn hơn **Điểm trúng tuyển** và đảm bảo tiêu chí phụ khi xét tuyển (**xem mục 1**) của ngành tương ứng. Thí sinh được xét trúng tuyển 01 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất trong số những nguyện vọng đủ Điểm trúng tuyển.

Riêng đối với Phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Đối với mỗi ngành học, Trường xác định một tổ hợp làm tổ hợp GỐC để làm chuẩn. Các tổ hợp còn lại sẽ được so sánh với tổ hợp GỐC để xác định mức độ “lệch điểm” – có thể cao hơn hoặc thấp hơn. Mỗi tổ hợp được quy đổi về tổ hợp GỐC bằng cách cộng hoặc trừ điểm lệch đã được tính toán trước. **Điểm xét tuyển (GỐC) = Điểm thí sinh đạt được ở tổ hợp + Điểm lệch**. Nếu điểm xét tuyển (GỐC) bằng hoặc lớn hơn **Điểm trúng tuyển** xem như đủ Điểm trúng tuyển.

5. Tra cứu kết quả xét tuyển:

Thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển tại địa chỉ:

<https://qao.dthu.edu.vn/tuyen-sinh/ket-qua-xet-tuyen>

6. Thí sinh trúng tuyển cần phải thực hiện theo Thông báo số 5258/TB-ĐHĐT ngày 15 tháng 8 năm 2025 về việc hướng dẫn nộp hồ sơ nhập học khóa tuyển sinh năm 2025 (*xem tại <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/thong-bao-ve-viec-huong-dan-nop-ho-so-nhap-hoc-khoa-tuyen-sinh-nam-2025.html>*)

Lưu ý: Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận.

7. Tiếp tục nhận hồ sơ xét tuyển đợt bổ sung (*phụ lục I*) các phương thức và theo thời gian:

7.1. Phương thức xét tuyển

- Phương thức 100 - Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
- Phương thức 200 - Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)
- Phương thức 301 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT
- Phương thức 416 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025
- Phương thức 402 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

7.2. Thời gian tổ chức tuyển sinh

Nội dung	Thời gian
Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển <i>Xem hướng dẫn và đăng ký trực tuyến tại https://xettuyen.dthu.edu.vn</i>	Đến 17 giờ ngày 30/8/2025
Công bố kết quả trúng tuyển	Trước 17 giờ ngày 5/9/2025
Thí sinh xác nhận nhập học và làm thủ tục nhập học	Trước 17 giờ ngày 10/9/2025

8. Giải đáp thắc mắc:

Mọi thông tin chi tiết liên quan đến **kết quả xét tuyển**, thí sinh vui lòng liên hệ Phòng Bảo đảm chất lượng (Điện thoại: 0277.3882258) để được giải đáp; liên quan đến **hướng dẫn nộp hồ sơ nhập học**, thí sinh vui lòng liên hệ Phòng Công tác Đảng và Công tác sinh viên (Điện thoại 0277.3995599) để được giải đáp.

- Địa chỉ: số 783 Phạm Hữu Lầu, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Email: tuyensinh@dthu.edu.vn
- Facebook: www.facebook.com/dongthapuni

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Các đơn vị trong trường;
- Website: tuyensinh.dthu.edu.vn;
- Lưu: VT, BDCL, T.

 **TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN ĐỢT BỔ SUNG

- Phương thức 100 - Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
- Phương thức 200 - Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)
- Phương thức 301 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT
- Phương thức 416 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025
- Phương thức 402 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

TT	Ngành	Tên ngành	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
1	7140103	Công nghệ Giáo dục	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
				C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, TA	
				X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ CN	
				X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
2	7229042	Quản lý văn hóa (Tổ chức sự kiện)	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
				C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
				C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
				C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
				X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
				X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
3	7310403	Tâm lý học giáo dục	100; 200; 301; 416; 402	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
				C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
				C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
				C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
				X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
4	7340101	Quản trị kinh doanh Có 02 chuyên ngành: - Quản trị kinh doanh - Quản trị Marketing	100; 200; 301; 416; 402	X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				C14	Ngữ văn, Toán, GD&ĐT	
				X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT&PL	
5	7340120	Kinh doanh quốc tế	100; 200; 301; 416; 402	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
				A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				C14	Ngữ văn, Toán, GD&ĐT	
				X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT&PL	
6	7380101	Luật	100; 200; 301; 416; 402	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
				A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
				C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
7	7420201	Công nghệ sinh học	100; 200; 301; 416; 402	C14	Ngữ văn, Toán, GD&ĐT	
				X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT&PL	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
				A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
				B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
				B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
				C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Tên ngành	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
8	7620103	Khoa học đất (Công nghệ phân bón và sản xuất sạch)	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
				B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
				B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
				B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
				C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	

